TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2024
V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoa

Ông Phạm Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh P.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh P tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Lại Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1990; Nơi cư trú: khu Đ, xã Y, huyện C, tỉnh P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thanh N - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P.

Bị đơn: Anh Tạ Văn H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: khu D, xã T, huyện P, tỉnh P.

(Chị Y, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lí do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Y và anh Tạ Văn H đăng ký kết hôn ngày 11/7/2022 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh P. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ngay sau khi kết hôn vợ chồng chị đã có mâu thuẫn, cãi vã do chị phát hiện anh H ngoại tình. Anh H

thường xuyên chơi bời, chửi bới, đánh đập chị. Dù gia đình hai bên đã khuyên nhủ anh H nhiều lần, chị cũng tha thứ cho anh H nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Từ khi có con chung anh H không cùng chị chăm sóc, nuôi dạy con mà để một mình chị lo toan mọi việc. Nay vợ chồng chị không cùng nhau duy trì cuộc sống hôn nhân, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Minh Q, sinh ngày 21/6/2022. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Tạ Văn H: Đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh H vắng mặt không có lí do và không có quan điểm trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P tại phiên toà:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Nguyên đơn, trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội:

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị giải quyết cho chị Đỗ Thị Y được ly hôn với anh Tạ Văn H.

Về con chung: Giao cháu Tạ Minh Q, sinh ngày 21/6/2022 cho chị Đỗ Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Y tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Y không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm do thuộc trường hợp hộ nghèo. Trả lại chị Y số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh H đã tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh P. Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống 2 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ngoại tình có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên đánh chửi chị Y. Chị Y cùng gia đình hai bên đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Nay chị Y nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa. Từ những căn cứ trên tôi nhận thấy mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy tôi đề nghị Hội đồng xét xử tuyên cho chị Y được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Quá trình chung sống, chị Y và anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Minh Q1 sinh ngày 21/6/2022. Khi ly hôn chị Y xin được nuôi con chung và không đề nghị anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Y. Do hiện nay cháu Q1 dưới 36 tháng tuổi nên nguyện vọng được nuôi con của chị Y là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy tôi đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Y về việc được nuôi dưỡng cháu Q1 và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Y do chị Y không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, vay nợ và công sức đóng góp: Chị Y và anh H không có tài sản chung, vay nợ chung, không yêu cầu công sức đóng góp nên tôi không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh P vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tạ Văn H nhưng anh H vắng mặt không có lý do và chị Y có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Tạ Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lí do vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh H.

Nguyên đơn, trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Y và anh Tạ Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/7/2022 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh P trên cơ sở tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyên nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Y, ngay sau khi kết hôn vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ngoại tình, chơi bời, không cùng chị chăm sóc gia đình, con cái mà còn chửi bới và đánh đập chị. Chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn nên chị xin được ly hôn với anh H.

Tại Biên bản xác minh ngày 12 tháng 6 năm 2024, địa phương cung cấp: Sau khi kết hôn, chị Y và anh H chung sống tại khu D, xã T, quá trình chung sống tại địa phương, anh H và chị Y có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được. Chị Y và anh H có 01 con chung là cháu Tạ Minh Q sinh ngày 21/6/2022.

Tại biên bản làm việc ngày 12/6/2024, bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh H cung cấp: Chị Y và anh H sau khi kết hôn đã về sống cùng bà tại khu D, xã T, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên chị Y đã chuyển ra ngoài sống còn anh H vẫn sống cùng bà.

Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị Y và anh H không đạt được, tình trạng hôn nhân trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian vì vậy chị Y yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Y xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Minh Q, sinh ngày 21/6/2022. Chị Y xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của anh H trong hồ sơ vụ án. Anh H biết việc chị Y khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhưng anh không đến Tòa án. Vì vậy anh H đã tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác, hiện nay con chung của chị Y, anh H là cháu Tạ Minh Q, sinh ngày 21/6/2022 đến thời điểm xét xử vụ án cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ.

Do vậy, để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cần giao con chung cháu Q cho chị Y tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động tự túc được là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Y tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Y là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Đỗ Thị Y không yêu cầu Toà án giải quyết. Nhưng do hiện nay anh Tạ Văn H vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết vụ án và không có văn bản nêu quan điểm trình bày về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử chưa có đủ căn cứ để xem xét giải quyết trong vụ án này. Do vậy, về tài sản chung, nợ chung, công sức

đóng góp sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Y không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm do thuộc trường hợp hộ nghèo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại chị Y số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh P tại phiên tòa phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại luận cứ bảo vệ cho nguyên đơn gửi Toà án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Y được ly hôn với anh Tạ Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Tạ Minh Q, sinh ngày 21/6/2022 cho chị Đỗ Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được.

Anh Tạ Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y1 do chị Y tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chưa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Y không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trả lại cho chị Y số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001189 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh P.

5. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện P, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh P;
- Lưu VP, HSVA

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Việt Hưng